

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10/8/2022

*“Về việc Tranh chấp hôn nhân
và gia đình có yếu tố nước ngoài”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Kim Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLST- HNGĐ,
ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố
nước ngoài” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- HNGĐ,
ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Việt H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm G, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: No.14, Aly.8LN.133, Sec.4, NanJing E.R.D. SongSan Dist,
Taipei City 10580, TaiWan (R.C.D), Đài Loan (Trung Quốc), *có đơn xin giải
quyết vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn anh Trần Việt H trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị Thu H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại
UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/6/2008. Trước khi kết
hôn chúng tôi có được tự do tìm hiểu nhau và được gia đình hai trước khi kết

hôn hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng sau này nảy sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống khác nhau, từ khoảng năm 2018 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không giải quyết được. Đó đó anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H. Về con chung: Anh xác định anh và chị H có 02 con chung là cháu Trần Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2008, hiện nay cháu T đang học lớp 8 tại trường THCS Phú Lương và cháu Trần Hồng P, sinh ngày 16/6/2014, hiện cháu P đang học lớp 3 tại trường Tiểu học Phú Lương, huyện S, ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Việt H kết hôn với nhau vào ngày 17/6/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), khoảng cách địa lý xa nhau, hai bên thường xuyên cãi nhau, không có sự thấu hiểu, sẻ chia cùng nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và lâm vào tình trạng trầm trọng. Nay anh Trần Việt H yêu cầu ly hôn, tôi cũng nhất trí ly hôn với anh Trần Việt H. Về con chung: Chị xác định chị và anh H có 02 con chung là cháu Trần Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2008 và cháu Trần Hồng P, sinh ngày 16/6/2014, ly hôn anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung chị cũng nhất trí giao cháu T và cháu P cho anh H nuôi dưỡng. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Việt H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H, xác định tài chung và công nợ chung không có không đề nghị Tòa án giải quyết. Về con chung anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con vì cháu Trần Phạm Anh T đang học lớp 8 tại

trường THCS Phú Lương và cháu Trần Hồng P đang học lớp 3 tại trường Tiểu học Phú Lương, chị H đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Hiện nay công việc của anh làm tự do, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/ 01 tháng, anh ở cùng bố mẹ và làm việc tại nhà nên có đủ điều kiện kinh tế và thời gian chăm sóc các con tốt nhất, ngoài ra còn có sự hỗ trợ của ông bà trong việc đưa đón các con đi học.

Do chị Phạm Thị Thu H hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), anh H đề nghị Tòa án không tiến hành Hòa giải do đó Tòa án căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa anh Trần Việt H có mặt và chị Phạm Thị Thu H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Chị Phạm Thị Thu H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Thu H là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 147, 228, 264, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Việt H. Xử cho anh Trần Việt H được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H. Giao cháu Trần Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2008 và cháu Trần Hồng P, sinh ngày 16/6/2014 cho anh Trần Việt H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và vay nợ chung giữa các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét. Anh Trần Việt H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trần Việt H và chị Phạm Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H (chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Trung Quốc) và giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Trần Việt H cư trú tại Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Phạm Thị Thu H hiện đang cư trú tại: No.14, Aly.8LN.133, Sec.4, NanJing E.R.D. SongSan Dist, Taipei City 10580, TaiWan (R.C.D), Đài Loan (Trung Quốc). Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[3] Chị Phạm Thị Thu H có đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn tại Tòa án. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của anh Trần Việt H, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trần Việt H và chị Phạm Thị Thu H kết hôn năm 2008 do hai bên tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 17/6/2008 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống cùng với bố mẹ anh H tại thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 chị H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan (Trung Quốc) vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do sống xa nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, anh chị sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bản thân anh H, chị H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Anh H có đơn xin ly hôn, chị H cũng nhất trí ly hôn. Như vậy thấy rằng do vợ chồng sống xa nhau quá lâu, trong thời gian xa nhau anh H, chị H không hỏi han, quan tâm chăm sóc gì với nhau, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định:

Quá trình chung sống anh H, chị H có hai con chung là cháu là cháu Trần Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2008, đang học lớp 8 tại trường THCS Phú Lương và cháu Trần Hồng P, sinh ngày 16/6/2014, đang học lớp 3 tại trường Tiểu học Phú Lương. Tại đơn khởi kiện ly hôn anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Trần Phạm Anh T và cháu Trần Hồng P,

không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung vì từ khi chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, hai con chung ở cùng với anh H. Hiện nay chị H đang ở nước ngoài (Đài Loan, Trung Quốc) không có điều kiện để chăm sóc các con. Khi nào chị H về nước anh chị sẽ thống nhất về việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Hiện nay các con chung của anh H, chị H đều đang theo học tại các trường nằm trên địa bàn xã P. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và môi trường học tập của các cháu, xét thấy đề nghị của anh H, chị H là thực tế, do đó căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Trần Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2008 và cháu Trần Hồng P, sinh ngày 16/6/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Anh H và chị H xác định anh chị không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về công nợ chung: Anh H và chị H đều xác định không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Trần Việt H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, 147, 228, 264, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Việt H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Việt H được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2008 và cháu Trần Hồng P, sinh ngày 16/6/2014 cho anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Trần Việt H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005199 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Trần Việt H đã nộp đủ án phí. Chị Phạm Thị Thu H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Việt H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/8/2022), chị Phạm Thị Thu H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam

